



Antrag auf Erteilung eines Schengen-Visums

Tờ khai xin cấp thị thực Schengen

Dieses Antragsformular ist unentgeltlich
Tờ khai được phát miễn phí



B2930895



1	Name (Familienname)(x) Họ	NGUYEN	RESERVIERT FÜR AMTLICHE EINTRAGUNGEN Phần dành riêng cho cơ quan chức năng
2	Familienname bei der Geburt (frühere(r) Familienname(n)) (x) Họ khi sinh (Họ trước đây)		Datum des Antrags
3	Vorname(n) (Beiname(n))(x) Tên (Tên đệm)	THI TUYET MAI	Nr. des Visumantrags
4	Geburtsdatum (Jahr-Monat-Tag) Ngày sinh (năm-tháng-ngày)	1960-06-20	Antrag eingereicht bei
5	Geburtsort Nơi sinh	TP HO CHI MINH	☐ Botschaft/Konsulat ☐ Gemeinsame Antrags- bearbeitungsstelle
6	Geburtsland Quốc gia sinh	Vietnam / Việt Nam	☐ Dienstleistungs- erbringer ☐ Kommerzieller Vermittler ☐ Grenze
7a	Derzeitige Staatsangehörigkeit Quốc tịch hiện nay	Vietnam / Việt Nam	Name
7b	Staatsangehörigkeit bei der Geburt (falls nicht wie oben) Quốc tịch khi sinh (nếu khác quốc tịch hiện nay)		☐ Sonstige Stelle
8	Geschlecht Giới tính	☐ männlich / Nam ☒ weiblich / Nữ	Akte bearbeitet durch
9	Familienstand Tình trạng hôn nhân	☐ ledig / Độc thân ☐ verheiratet / Đã kết hôn ☐ getrennt / Ly thân ☒ geschieden / Ly hôn ☐ verwitwet / Góa vợ/chồng ☐ Sonstiges (bitte nähere Angaben) / Hình thức khác (xin nêu rõ)	Belege ☐ Reisedokument ☐ Mittel zur Bestreitung des Lebensunterhalts ☐ Einladung ☐ Beförderungsmittel ☐ Reisekranken- versicherung ☐ Sonstiges
10	Bei Minderjährigen: Name, Vorname, Anschrift (falls abweichend von der des Antragstellers) und Staatsangehörigkeit des Inhabers der elterlichen Sorge/des Vormunds Đối với người chưa thành niên: họ, tên, địa chỉ (nếu khác với địa chỉ của người xin cấp thị thực) và quốc tịch của người có quyền nuôi dưỡng/người giám hộ		Visum ☐ Abgelehnt ☐ Erteilt ☐ A ☐ C ☐ Visum mit räumlich beschränkter Gültigkeit
11	ggf. nationale Identitätsnummer Số CMND, nếu có	020932419	☐ Gültig vom bis
12	Art des Reisedokuments Loại giấy tờ thông hành	☒ Normaler Pass / Hộ chiếu phổ thông ☐ Diplomatenpass / Hộ chiếu ngoại giao ☐ Dienstpass / Hộ chiếu công vụ ☐ Amtlicher Pass / Hộ chiếu công ☐ Sonderpass / Hộ chiếu đặc biệt ☐ Sonstiges Reisedokument (bitte nähere Angaben) / Giấy tờ thông hành khác (xin nêu rõ)	Anzahl der Einreisen ☐ 1 ☐ 2 ☐ mehrfach
13	Nummer des Reisedokuments Số hộ chiếu/giấy tờ thông hành	B2930895	Anzahl der Tage
14	Ausstellungsdatum Ngày cấp	2009-02-26	
15	Gültig bis Có giá trị đến	2019-02-26	

16	Ausgestellt durch cơ quan cấp	Vietnam / Việt Nam, IMMIGRATION DEPARTMENT, VIET NAM
17a	Wohnanschrift und E-Mail-Adresse des Antragstellers Địa chỉ nhà riêng và thư điện tử của người xin cấp thị thực	HOANG VAN THU 204/16, 705000 TP HO CHI MINH, Vietnam / Việt Nam, VMINH28@GMAIL.COM
17b	Telefonnummer(n) Số điện thoại	01202933086
18	Wohnsitz in einem anderen Staat als dem, dessen Staatsangehörige(r) Sie gegenwärtig sind Hiện bạn có cư trú tại một quốc gia khác với quốc gia bạn đang có quốc tịch không?	☒ Nein / Chưa ☐ Ja / Rồi
18a	Aufenthaltstitel oder gleichwertiges Dokument Nr. Giấy phép cư trú hoặc giấy phép tương đương số	
18b	Gültig bis Có giá trị đến	
19*	Derzeitige berufliche Tätigkeit Nghề nghiệp hiện nay	Rentner/-in / Hưu trí
20*	Anschrift und Telefonnummer des Arbeitgebers. Für Studenten Name und Anschrift der Bildungseinrichtung Địa chỉ và số điện thoại cơ quan. Đối với học sinh, sinh viên: ghi tên và địa chỉ trường	
21	Hauptzweck(e) der Reise Mục đích chuyến đi	☐ Tourismus / Du lịch ☐ Geschäftsreise / Công tác ☒ Besuch von Familienangehörigen oder Freunden / Thăm thân nhân hoặc bạn bè ☐ Kultur / Văn hóa ☐ Sport / Thể thao ☐ Offizieller Besuch / Thăm chính thức ☐ Gesundheitliche Gründe / Lý do y tế ☐ Studium / Học đại học ☐ Durchreise / Quá cảnh ☐ Flughafentransit / Quá cảnh tại sân bay ☐ Sonstiges (bitte nähere Angaben) / Hình thức khác (xin nêu rõ)
22	Bestimmungsmitgliedstaat(en) (Các) nước đến thuộc Khối Schengen	Deutschland / Đức
23	Mitgliedstaat der ersten Einreise Nước thành viên sẽ nhập cảnh đầu tiên	Deutschland / Đức
24	Anzahl der beantragten Einreisen Số lần nhập cảnh mong muốn	☒ Einmalige Einreise / Một lần ☐ Zweimalige Einreise / Hai lần ☐ Mehrfache Einreise / Nhiều lần
25	Dauer des geplanten Aufenthalts oder der Durchreise (Anzahl der Tage angeben) Thời gian dự kiến lưu trú hoặc quá cảnh (xin nêu rõ số ngày)	31
26	Schengen-Visa, die in den vergangenen drei Jahren erteilt wurden Thị thực Schengen được cấp trong vòng 3 năm trở lại đây	☒ Keine / Không ☐ Ja (Gültigkeitsdauer angeben, falls bekannt) / Có (xin ghi rõ thời hạn nếu biết)
26a	Gültig von Có giá trị từ ngày	
26b	Gültig bis Có giá trị đến	
27	Wurden Ihre Fingerabdrücke bereits für die Zwecke eines Antrags auf ein Schengen-Visum erfasst? Bạn đã từng được lấy dấu vân tay khi xin cấp thị thực Schengen chưa?	☒ Nein / Chưa ☐ Ja / Rồi

27a	Datum (falls bekannt) Thời gian (nếu biết)	
28	Ggf. Einreisegenehmigung für das Endbestimmungsland, Ausgestellt durch Giấy tờ cho phép nhập cảnh vào nước đến cuối cùng trong hành trình, nếu có, cơ quan cấp	
28a	Gültig von Có giá trị từ ngày	
28b	Gültig bis Có giá trị đến	
29	Geplantes Ankunftsdatum im Schengen-Raum Ngày dự kiến nhập cảnh vào Khối Schengen	2017-09-15
30	Geplantes Abreisedatum aus dem Schengen-Raum Ngày dự kiến xuất cảnh khỏi Khối Schengen	2017-10-16
31a*	Name und Vorname der einladenden Person(en) in dem Mitgliedstaat bzw. den Mitgliedstaaten. Soweit dies nicht zutrifft, bitte Name des/der Hotels oder vorübergehende Unterkunft (Unterkünfte) in dem (den) betreffenden Mitgliedstaat(en) angeben. Họ và tên (những) người mời tại các nước thành viên. Nếu không có, đề nghị ghi rõ tên (các) khách sạn hoặc (các) nơi tạm trú tại (các) nước thành viên.	TRAN, THI PHI LOAN, 1962-01-20, BINH HOA - SAIGON, Deutschland / Đức, NECKARSTR 12D, 42655 SOLINGEN, Deutschland / Đức , NGUYEN THI PHI LOAN
31b*	Adresse und E-Mail-Anschrift der einladenden Person(en) / jedes Hotels / jeder vorübergehenden Unterkunft Địa chỉ và hòm thư điện tử của (những) người mời, (các) khách sạn, (các) nơi tạm trú	
31c*	Telefon und Fax Số điện thoại và fax	
32a*	Name und Adresse des einladenden Unternehmens/der einladenden Organisation Tên và địa chỉ công ty/tổ chức mời	
32b*	Telefon und Fax des Unternehmens /der Organisation Số điện thoại và fax của công ty/tổ chức mời	
32c*	Name, Vorname, Adresse, Telefon, Fax und E-Mail- Anschrift der Kontaktperson im Unternehmen/in der Organisation Họ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax và địa chỉ thư điện tử của người liên hệ trong công ty/tổ chức mời	

33* Die Reisekosten und die Lebenshaltungskosten während des Aufenthalts des Antragstellers werden getragen Chi phí đi lại và ăn ở của người xin cấp thị thực trong thời gian lưu trú sẽ được chi trả	☒ durch den Antragsteller selbst / Bởi chính người xin cấp thị thực Mittel zur Bestreitung des Lebensunterhalts / Hình thức chi trả các chi phí sinh hoạt: ☒ Bargeld / Tiền mặt ☐ Reiseschecks / Séc du lịch ☐ Kreditkarte / Thẻ tín dụng ☐ Im Voraus bezahlte Unterkunft / Chỗ ở đã được thanh toán trước ☐ Im Voraus bezahlte Beförderung / Phương tiện đi lại đã được thanh toán trước ☐ Sonstiges (bitte nähere Angaben) / Hình thức khác (xin nêu rõ) ☐ durch andere (Gastgeber, Unternehmen, Organisation), bitte nähere Angaben / Bởi bên thứ 3 (người mời, doanh nghiệp, tổ chức), xin nêu rõ ☐ siehe Feld 31 oder 32 / Xem mục 31 hoặc 32 ☐ von sonstiger Stelle (bitte nähere Angaben) / Bởi bên khác (xin nêu rõ) Mittel zur Bestreitung des Lebensunterhalts / Hình thức chi trả các chi phí sinh hoạt: ☐ Bargeld / Tiền mặt ☐ Zur Verfügung gestellte Unterkunft / Chỗ ở đã được thanh toán trước ☐ Übernahme sämtlicher Kosten während des Aufenthalts / Chu cấp toàn bộ chi phí trong thời gian lưu trú ☐ Im Voraus bezahlte Beförderung / Phương tiện đi lại đã được thanh toán trước ☐ Sonstiges (bitte nähere Angaben) / Hình thức khác (xin nêu rõ)
34 Persönliche Daten des Familienangehörigen, der Unionsbürger oder Staatsangehöriger des EWR oder der Schweiz ist (Name(n), Vorname(n), Geburtsdatum, Nationalität, Nr. des Reisedokuments oder des Personalausweises) Thông tin cá nhân về thành viên gia đình là công dân EU, khối kinh tế Châu Âu hoặc Thụy Sĩ (Họ, Tên, Ngày sinh, Quốc tịch, Số hộ chiếu hoặc CMT)	

Die mit * gekennzeichneten Felder müssen von Familienangehörigen von Unionsbürgern und von Staatsangehörigen des EWR oder der Schweiz (Ehegatte, Kind oder abhängiger Verwandter in aufsteigender Linie) in Ausübung ihres Rechts auf Freizügigkeit nicht ausgefüllt werden. Diese müssen allerdings ihre Verwandtschaftsbeziehung anhand von Dokumenten nachweisen und die Felder Nr. 34 und 35 ausfüllen. Thân nhân của công dân EU, khối kinh tế Châu Âu hoặc Thụy Sĩ (vợ, chồng, con hoặc cha, mẹ, ông, bà sống phụ thuộc) không phải điền các mục có đánh dấu * khi thực hiện quyền tự do đi lại của mình, tuy nhiên vẫn cần xuất trình các giấy tờ chứng minh quan hệ họ hàng và điền thông tin vào mục 34 và 35.

(x) Die Felder 1-3 sind entsprechend den Angaben im Reisedokument auszufüllen. Mục 1-3 phải được điền chính xác như trong giấy tờ thông hành.

35 Verwandtschaftsverhältnis zum Unionsbürger oder Staatsangehörigen des EWR oder der Schweiz Quan hệ họ hàng với công dân EU, khối kinh tế Châu Âu hoặc Thụy Sĩ	☐ Ehegatte / Vợ/chồng ☒ Kind / Con ☐ Enkelkind / cháu ☐ abhängiger Verwandter in aufsteigender Linie / Cha mẹ, ông bà
--	--

36 Ort und Datum / Nơi và ngày làm đơn

37 Unterschrift (für Minderjährige Unterschrift des Inhabers der elterlichen Sorge/des Vormunds) / Chữ ký (đối với người chưa thành niên: chữ ký của người có quyền nuôi dưỡng/người giám hộ)

Mir ist bekannt, dass die Visumgebühr bei Ablehnung des Visumantrages nicht erstattet wird

Im Falle der Beantragung eines Visums für mehrfache Einreisen (siehe Feld 24): Mir ist bekannt, dass ich über eine angemessene Reisekrankenversicherung für meinen ersten Aufenthalt und jeden weiteren Besuch im Hoheitsgebiet der Mitgliedstaaten verfügen muss.

Mir ist bekannt und ich bin damit einverstanden, dass im Hinblick auf die Prüfung meines Visumantrags die in diesem Antragsformular geforderten Daten erhoben werden müssen, ein Lichtbild von mir gemacht werden muss und gegebenenfalls meine Fingerabdrücke abgenommen werden müssen. Die Angaben zu meiner Person, die in diesem Visumantrag enthalten sind, sowie meine Fingerabdrücke und mein Lichtbild werden zwecks Entscheidung über meinen Visumantrag an die zuständigen Behörden der Mitgliedstaaten weitergeleitet und von diesen Behörden bearbeitet.

Diese Daten sowie Daten in Bezug auf die Entscheidung über meinen Antrag oder eine Entscheidung zur Annullierung, Aufhebung oder Verlängerung eines Visums werden in das Visa-Informationssystem (VIS) ¹ eingegeben und dort höchstens fünf Jahre gespeichert; die Visumbehörden und die für die Visumkontrolle an den Außengrenzen und in den Mitgliedstaaten zuständigen Behörden sowie die Einwanderungs- und Asylbehörden in den Mitgliedstaaten haben während dieser fünf Jahre Zugang zum VIS, um zu überprüfen, ob die Voraussetzungen für die rechtmäßige Einreise in das Gebiet und den rechtmäßigen Aufenthalt im Gebiet der Mitgliedstaaten erfüllt sind, um Personen zu identifizieren, die diese Voraussetzungen nicht bzw. nicht mehr erfüllen, um einen Asylantrag zu prüfen und um zu bestimmen, wer für diese Prüfung zuständig ist. Zur Verhütung und Aufdeckung terroristischer und anderer schwerer Straftaten und zur Ermittlung wegen dieser Straftaten haben unter bestimmten Bedingungen auch benannte Behörden der Mitgliedstaaten und Europol Zugang zu diesen Daten. Die für die Verarbeitung der Daten zuständige Behörde des Mitgliedstaates ist: Bundesverwaltungsamt, D-50728 Köln, EU-VIS@bva.bund.de.

Mir ist bekannt, dass ich berechtigt bin, in jedem beliebigen Mitgliedstaat eine Mitteilung darüber einzufordern, welche Daten über mich im VIS gespeichert wurden und von welchem Mitgliedstaat diese Daten stammen; außerdem bin ich berechtigt zu beantragen, dass mich betreffende Daten, die unrichtig sind, korrigiert und rechtswidrig verarbeitete Daten, die mich betreffen, gelöscht werden. Die konsularische Vertretung, die meinen Antrag prüft, liefert mir auf ausdrücklichen Wunsch Informationen darüber, wie ich mein Recht wahrnehmen kann, die Daten zu meiner Person zu überprüfen und unrichtige Daten gemäß den Rechtsvorschriften des betreffenden Mitgliedstaats ändern oder löschen zu lassen, sowie über die Rechtsmittel, die das Recht des betreffenden Mitgliedstaats vorsieht. Zuständig für Beschwerden über den Schutz personenbezogener Daten ist die staatliche Aufsichtsbehörde dieses Mitgliedstaats: Der Bundesbeauftragte für den Datenschutz und die Informationsfreiheit, Husarenstraße 30, D-53117 Bonn, Tel.: +49 (0)228-997799-0, Fax: +49 (0)228-997799-550, poststelle@bfdi.bund.de , www.bfdi.bund.de

Ich versichere, dass ich die vorstehenden Angaben nach bestem Wissen und Gewissen gemacht habe und dass sie richtig und vollständig sind. Mir ist bewusst, dass falsche Erklärungen zur Ablehnung meines Antrags oder zur Annullierung eines bereits erteilten Visums führen und die Strafverfolgung nach den Rechtsvorschriften des Mitgliedstaats, der den Antrag bearbeitet, auslösen können.

Ich verpflichte mich dazu, das Hoheitsgebiet der Mitgliedstaaten vor Ablauf des Visums zu verlassen, sofern mir dieses erteilt wird. Ich wurde davon in Kenntnis gesetzt, dass der Besitz eines Visums nur eine der Voraussetzungen für die Einreise in das europäische Hoheitsgebiet der Mitgliedstaaten ist. Aus der Erteilung des Visums folgt kein Anspruch auf Schadensersatz, wenn ich die Voraussetzungen nach Artikel 5 Absatz 1 der Verordnung (EG) Nr. 562/2006 (Schengener Grenzkodex) nicht erfülle und mir demzufolge die Einreise verweigert wird. Die Einreisevoraussetzungen werden bei der Einreise in das europäische Hoheitsgebiet der Mitgliedstaaten erneut überprüft.

Tôi biết là trường hợp đơn xin thị thực bị từ chối, lệ phí thị thực không được hoàn lại

Trong trường hợp xin cấp thị thực nhập cảnh nhiều lần (xem mục 24): Tôi nhận thức rõ sự cần thiết phải có bảo hiểm y tế du lịch phù hợp cho lần lưu trú đầu tiên và các lần lưu trú tiếp theo tại lãnh thổ các quốc gia thành viên

Tôi nhận thức rõ và đồng ý rằng: Trong quá trình xét hồ sơ xin cấp thị thực, việc cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong tờ khai xin cấp thị thực cũng như việc chụp ảnh và lấy dấu vân tay của tôi trong trường hợp cần thiết là bắt buộc; mọi thông tin cá nhân nêu trong tờ khai cũng như dấu vân tay và ảnh của tôi sẽ được chuyển đến và xử lý bởi các cơ quan chức năng của các nước thành viên nhằm mục đích đưa ra quyết định đối với đơn xin cấp thị thực của tôi

Các dữ liệu này cũng như các thông tin liên quan đến việc xét cấp thị thực cho tôi hoặc liên quan đến quyết định hủy bỏ, thu hồi hay gia hạn thị thực sẽ được nhập và lưu trữ trong Hệ thống Thông tin Thị thực (VIS) trong thời gian tối đa là 5 năm. Trong thời gian này các cơ quan cấp thị thực và các cơ quan có chức năng kiểm tra thị thực tại biên giới bên ngoài và trong phạm vi các nước thành viên cũng như các cơ quan di trú và tị nạn của các nước thành viên có thể truy cập các dữ liệu và thông tin lưu trong VIS nhằm mục đích: xác minh xem các điều kiện nhập cảnh và lưu trú hợp pháp tại các nước thành viên có được đáp ứng hay không, nhận dạng những cá nhân không hoặc không còn đáp ứng những yêu cầu đó, kiểm tra đơn xin tị nạn và quyết định về thẩm quyền trong việc kiểm tra. Dưới điều kiện nhất định các cơ quan có thẩm quyền được chỉ định của các nước thành viên và Europol cũng có thể truy cập các thông tin và dữ liệu này nhằm mục đích phòng chống, phát hiện và điều tra các tội phạm khủng bố và các hành vi tội phạm nguy hiểm khác. Cơ quan có thẩm quyền xử lý dữ liệu của nước thành viên là: Bundesverwaltungsamt, D-50728 Köln, EU-VIS@bva.bund.de.

Tôi biết rõ rằng tôi có quyền yêu cầu thông báo về các dữ liệu liên quan đến tôi được lưu trữ trong VIS tại bất cứ nước nào trong các quốc gia thành viên cũng như tên quốc gia thành viên đã cung cấp các dữ liệu đó, quyền yêu cầu chỉnh sửa các dữ liệu không chính xác liên quan đến cá nhân tôi cũng như xóa các dữ liệu bị xử lý một cách phi pháp liên quan đến tôi. Khi tôi yêu cầu bằng văn bản, cơ quan thụ lý đơn đề nghị của tôi sẽ thông báo với tôi cách thức thực hiện quyền kiểm tra các dữ liệu cá nhân liên quan đến tôi và chỉnh sửa hay xóa bỏ chúng, bao gồm cả các công cụ pháp lý quy định về quyền của quốc gia thành viên có liên quan. Cơ quan giám sát của quốc gia thành viên đó: Der Bundesbeauftragte für den Datenschutz und die Informationsfreiheit, Husarenstraße 30, D-53117 Bonn

Tôi cam đoan cung cấp thông tin trên đúng với hiểu biết và lương tâm và những thông tin đó đúng sự thật và đầy đủ. Tôi nhận thức được rằng, cung cấp thông tin sai sẽ dẫn đến việc đơn bị từ chối hoặc thị thực đã cấp bị hủy và có thể bị truy cứu hình sự theo quy định pháp luật của nước thành viên tiếp nhận đơn.

Tôi cam kết rời khỏi nước thành viên trước khi thị thực hết hạn, nếu tôi được cấp thị thực. Tôi được lưu ý rằng, việc có thị thực chỉ là một trong những điều kiện để nhập cảnh vào lãnh thổ châu Âu của các nước thành viên. Có thị thực không phải là có quyền đòi bồi thường, nếu tôi không đáp ứng các điều kiện theo điều 5, khoản 1 Pháp lệnh số 562/2006 (Quy tắc biên giới của Schengen) và vì thế không được nhập cảnh. Điều kiện để nhập cảnh sẽ được tái thẩm tra khi nhập cảnh vào lãnh thổ châu Âu của các nước thành viên

Ort und Datum / Nơi và ngày làm đơn

Unterschrift (für Minderjährige Unterschrift des Inhabers der elterlichen Sorge/des Vormunds) / Chữ ký (đối với người chưa thành niên: chữ ký của người có quyền nuôi dưỡng/người giám hộ)

¹Soweit das VIS einsatzfähig ist.
Khi VIS đi vào hoạt động.

Ein Ausländer kann ausgewiesen werden, wenn er falsche oder unvollständige Angaben zur Erlangung eines deutschen Aufenthaltstitels oder eines Schengen-Visums macht. Der Antragsteller ist verpflichtet, alle Angaben nach bestem Wissen und Gewissen zu machen. Sofern er Angaben verweigert oder bewusst falsch oder unvollständig macht, kann dies zur Folge haben, dass der Visumantrag abgelehnt bzw. der Antragsteller aus Deutschland ausgewiesen wird, sofern ein Visum bereits erteilt wurde. Durch die Unterschrift bestätigt der Antragsteller, dass er vor der Antragstellung über die Rechtsfolgen verweigerter, falscher oder unvollständiger Angaben im Visumverfahren belehrt worden ist.

Một công dân nước ngoài có thể bị trục xuất, nếu người này cung cấp các thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ để có được giấy phép cư trú tại Đức hoặc thị thực Schengen. Người đặt đơn có trách nhiệm cung cấp thông tin đúng với hiểu biết và lương tâm của mình. Nếu người đó từ chối cung cấp hoặc chủ đích cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ thì hậu quả có thể là đơn xin cấp thị thực bị từ chối hoặc người đó bị trục xuất khỏi nước Đức trong trường hợp thị thực đã được cấp. Bằng việc ký tên dưới đây người xin thị thực xác nhận trước khi nộp đơn đã được phổ biến về hậu quả pháp lý của việc từ chối cung cấp, cung cấp thông sai lệch hoặc không đầy đủ trong quá trình xin cấp thị thực.

Ort, Datum / Nơi và ngày làm đơn

Unterschrift / Chữ ký

Anhang zum Antrag auf Erteilung eines Schengen-Visums

Phụ lục cho Tờ khai xin cấp thị thực Schengen

Bitte bringen Sie diese Seite zur Antragstellung mit. Sie enthält Ihre Eingaben in maschinenlesbarer Form

Đề nghị Quý vị mang theo trang này khi đến nộp hồ sơ xin cấp thị thực. Trong đó chứa các dữ liệu của Quý vị ở định dạng mà máy tính có thể đọc được.

----- RK-Visa -----

NGUYEN , THI TUYET MAI

B2930895

